

Số: 10/XN-UBND

Trà Vinh, ngày 19 tháng 7 năm 2024

BẢN XÁC NHẬN

Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản cát san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (đoạn còn lại)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh tại Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh ngày 23 tháng 4 năm 2024;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 303/TTr-STNMT ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc cấp Bản Xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (đoạn còn lại).

XÁC NHẬN:

1. Khu vực khai thác khoáng sản cát san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình Phòng chống xâm thực, xói lở

bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (đoạn còn lại) đã được phê duyệt tại Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có diện tích 3,6 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục kèm theo.

2. Khối lượng được cấp phép khai thác: 29.000 m³.
3. Công suất được phép khai thác: 29.000 m³.
4. Mức sâu khai thác thấp nhất: -1,0m đến mức -3,4m.
5. Kế hoạch khai thác: Theo kế hoạch khai thác đính kèm Bản đăng ký.
6. Thiết bị khai thác: 05 chiếc máy đào bánh xích (đính kèm bảng danh mục theo Bản đăng ký).
7. Thời gian khai thác: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.
8. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh có trách nhiệm:
 - Nộp đầy đủ số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo thông báo của cơ quan thuế và trước khi tổ chức khai thác, cụ thể như sau:
 - + Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là: **185.962.500 đồng** (*Một trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).
 - + Số lần phải nộp: 1 lần.
 - + Năm phải nộp: Năm 2024.
 - + Diện tích thị xã Duyên Hải chiếm 100%.
 - Xác định ranh giới khu vực khai thác, thực hiện khai thác khoáng sản cát san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất, kế hoạch, phương pháp quy định tại Bản Xác nhận này; chỉ sử dụng khoáng sản cát san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường cho dự án xây dựng công trình Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (đoạn còn lại); hết thời hạn nêu trên, ngừng mọi hoạt động khai thác, báo cáo kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường.
 - Trước khi tiến hành hoạt động khai thác, phải báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường, địa phương nơi hoạt động khai thác để kiểm tra, giám sát; thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong khai thác và cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo quy định; thường xuyên giám sát quá trình hoạt động khai thác, đảm bảo việc sử dụng khoáng sản cát san lấp đúng mục đích; thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản khai thác thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật; nghiệm thu khối lượng khai thác thực tế sau khi kết thúc việc khai thác và thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo sản lượng khai thác thực tế.
 - Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương

pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình xây dựng, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác.

- Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự theo quy định của pháp luật; trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Trách nhiệm các cơ quan có liên quan:

- Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm thông báo đến Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đồng thời, tổ chức thu và kiểm tra, đôn đốc việc nộp tiền theo quy định.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh; kiểm tra, xác định tiền cấp quyền khai thác cho phù hợp với khối lượng thực tế khai thác đã được kê khai quyết toán và nghiệm thu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh tiền cấp quyền theo quy định (nếu có).

- Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh theo đúng phạm vi, ranh giới, mục đích và các nội dung đã được đăng ký theo Bản xác nhận này.

10. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh chịu trách nhiệm thực hiện đúng nội dung theo Bản xác nhận này./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS VN;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, GTVT, CT, XD;
- Cục Thuế tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT TV;
- UBND TX Duyên Hải;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PNN *phong 04*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ph

Nguyễn Trung Hoàng



RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC

(Kèm theo Bản xác nhận số 10/XN-UBND
ngày 19/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Điểm góc	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	V1	615475.61	1078413.77
2	V2	615458.87	1078433.39
3	V3	615401.31	1078475.25
4	V4	615397.93	1078477.12
5	V5	615355.11	1078494.37
6	V6	615308.94	1078513.56
7	V7	615285.89	1078523.23
8	V8	615239.65	1078542.27
9	V9	515221.24	1078550.44
10	V10	615216.51	1078551.71
11	V11	615146.72	1078558.98
12	V12	615126.71	1078561.36
13	V13	615121.83	1078561.42
14	V14	615101.93	1078558.01
15	V15	615027.31	1078550.42
16	V16	614953.08	1078539.22
17	V17	614854.09	1078524.47
18	V18	614829.27	1078521.48
19	V19	614755.12	1078509.52
20	V20	614730.32	1078506.30
21	V21	614680.87	1078498.53
22	V22	614656.13	1078494.73
23	V23	614631.54	1078489.60
24	V24	614627.37	1078528.51
25	V25	614723.90	1078544.67
26	V26	615021.18	1078590.34
27	V27	615124.75	1078601.49
28	V28	615228.79	1078587.80
29	V29	615417.66	1078508.75
30	V30	615501.08	1078449.81
Diện tích: 3,6 ha			